TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2019/HS-PT
Ngày 12 - 6 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân
Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết
Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:
Bà Lê Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 74/2019/TLPT-HS ngày 15 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Lê Hải T; do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2019/HS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị cáo có kháng cáo*:

Họ và tên: Lê Hải T, sinh năm 1990, tại huyện U, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp 5, xã K1, huyện U, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; co ông: Lê Trường S và bà: Châu Thị S; vợ: Nguyễn Thúy A; con: 01 người; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại có mặt.

- *Các bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị (Tòa án không triệu tập)*:

1. Họ và tên: Nguyễn Giang L, sinh năm 1989, tại huyện U, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp 3, xã K2, huyện U, tỉnh Cà Mau.

2. Họ và tên: Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1990, tại huyện U, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp 3, xã K2, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Những người tham gia tố tụng khác (Tòa án không triệu tập)*:

+ Bị hại:

1. Trần Minh P, sinh năm 1975.
2. Nguyễn Phi H, sinh năm 1988.
3. Nguyễn Phi T, sinh năm 1985.
4. Tô Minh H, sinh năm 1970.
5. Nguyễn Văn U, sinh năm 1950.

Cùng cư trú: Ấp Xóm B, xã Viên A, huyện N, tỉnh Cà Mau.

6. Hồ Văn T, sinh năm 1994.

7. Lâm Văn V, sinh năm 1994.

Cùng cư trú: Ấp Xóm M, xã Đất M, huyện Năm C, tỉnh Cà Mau.

8. Nguyễn Văn K, sinh năm 1991.

9. Trương Cao K, sinh năm 1989.

10. Trần Văn T, sinh năm 1986.

11. Tô Minh Tr, sinh năm 1989.

12. Nguyễn Thái N, sinh năm 1997.

13. Nguyễn Minh T, sinh năm 1987.

14. Tô Việt A, sinh năm 1964.

Cùng cư trú: Ấp Phòng H, xã Đất M, huyện Năm C, tỉnh Cà Mau.

15. Phạm Văn K, sinh năm 1994.

16. Phạm Thế K, sinh năm 1965.

17. Phạm Văn L, sinh năm 1976.

Cùng cư trú: Ấp Trại L B, xã Lâm H, huyện Năm C, tỉnh Cà Mau.

18. Phạm Văn Nh, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp Chà L, xã Lâm H, huyện Năm C, tỉnh Cà Mau.

19. Nguyễn Văn B, sinh năm 1984.

20. Võ Văn T1, sinh năm 1986.

Cùng cư trú: Ấp Bà H, xã Đất M, huyện N, tỉnh Cà Mau.

21. Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp Lê N, xã Rạch C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

22. Nguyễn Văn A, sinh năm 1987.

23. Nguyễn Minh S, sinh năm 1975.

24. Kiều Minh H, sinh năm 1980.

25. Nguyễn Văn K, sinh năm 1978.

26. Lâm Hoàng G, sinh năm 1970.

27. Nguyễn Văn D, sinh năm 1980.

Cùng cư trú: Ấp Vàm X, xã Phong Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

28. Nguyễn Minh K, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp Mỹ B, xã Phong Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

29. Ngô Quốc T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp Tân H, xã Phong Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

30. Huỳnh Văn H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp Thị K, xã Phong Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Thái Văn K, sinh năm 1991.

2. Nguyễn Văn L, sinh năm 1979.

Cùng cư trú: Ấp Rạch T, xã Đất M, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 01 năm 2018, vùng biển huyện U từ Tiểu Dừa đến Giáo Bảy có nhiều ngư dân đến cào sò huyết giống nên Nguyễn Giang L nảy sinh ý định thu tiền bãi của các ngư dân đến cào sò. L tổ chức cho Nguyễn Hoàng N (em ruột của L), Lê Văn M và Lê Hải T dùng vỏ máy công suất lớn mang theo hung khí là dao tự chế và Baton đi ra vùng biển huyện U để đe dọa ngư dân không cho cào sò huyết giống. Ai muốn cào sò huyết giống phải vào nhà gặp L xin phép và phải đóng tiền bãi từ 02 đến 03 triệu đồng hoặc cào sò đưa cho L mỗi ngày, L cho lại 500.000đ đến 1.000.000đ tiền dầu và những ngày cào sò tiếp theo phải bán sò cào được cho L. Nếu các ngư dân không đồng ý với hai điều kiện của L đưa ra thì L sẽ không cho cào và cho đồng bọn là N, M, T dùng vỏ máy công suất lớn mang theo hung khí ra bãi sò gây áp lực đe dọa, rượt đuổi không cho cào sò, buộc các ngư dân phải chấp nhận điều kiện của L.

Khoảng 20 giờ ngày 27/01/2018, nhóm ngư dân của Nguyễn Văn Ng và Võ Văn T1 gồm 13 phương tiện đến vùng biển huyện U cào sò huyết giống. L phát hiện nên phân công N, M và T điều khiển vỏ máy mang hung khí dao tự chế đến chỗ nhóm Ng đang cào sò đe dọa không cho cào sò. Nếu muốn cào sò thì phải vào nhà gặp L để xin phép. Nhóm của Ng không đồng ý, N kêu T điều khiển vỏ máy đâm vào vỏ máy của anh Ng. N dùng dao tự chế chém trúng vỏ của Ng. Ng và các ngư dân khác điều khiển vỏ máy bỏ chạy bị nhóm của N điều khiển vỏ máy rượt đuổi. Sau đó, Võ Văn T1 điều khiển vỏ máy vào nhà gặp L xin cào sò.

Với thủ đoạn trên, trong khoảng thời gian cuối tháng 01 và tháng 02 năm 2018 có nhiều ngư dân đến gặp L để đóng tiền bãi hoặc cào sò đưa cho L mỗi ngày. Số tiền L nhận tiền bãi là 32.000.000 đồng bao gồm:

- Nhóm ngư dân của Trần Minh P, Nguyễn Phi H, Nguyễn Phi T, Tô Minh H, Nguyễn Văn U, Hồ Văn T, Trương Cao K, Trần Văn T, Lâm Văn V do Thái Văn K đại diện đóng tiền bãi cho L mỗi phương tiện 2.000.000 đồng, tổng số 13 phương tiện là 26.000.000 đồng. Nguyễn Văn K trực tiếp đóng tiền bãi cho L số tiền 3.000.000 đồng và Phạm Văn K trực tiếp đóng tiền bãi cho L số tiền 3.000.000 đồng.

- Nhóm ngư dân chấp nhận điều kiện cào sò đưa cho L một ngày gồm: Phạm Thế K, Tô Minh T, Phạm Văn L, Nguyễn Thái N, Nguyễn Minh T, Phạm Văn N, Tô Việt A.

- Nhóm ngư dân cào sò đưa cho Nguyễn Hoàng N một ngày gồm: Nguyễn Văn Ng, Võ Văn T1, Nguyễn Văn A, Nguyễn Minh S, Nguyễn Văn B, Kiều Minh H, Nguyễn Văn K, Nguyễn Minh K, Ngô Quốc T, Lâm Hoàng G, Huỳnh Văn H, Nguyễn Văn D (không rõ số lượng bao nhiêu sò).

Đối với Lê Văn M bỏ trốn, đang bị truy nã, Cơ quan điều tra tạm đình chỉ vụ án nên án sơ thẩm không xử lý.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2019/HS-ST ngày 04/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện U; căn cứ điểm a khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố:

Các bị cáo Nguyễn Giang L, Nguyễn Hoàng N và Lê Hải T phạm tội "*Cưỡng đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Giang L 02 năm 06 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 4 năm 2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N 02 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 11 năm 2018 được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19 tháng 4 năm 2018 đến ngày 17 tháng 8 năm 2018.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Hải T 01 năm 09 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 16/4/2019, bị cáo Lê Hải T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, lý do: Bị cáo một mình nuôi con nhỏ sinh ngày 09/01/2011; gia đình thuộc hộ nghèo, bị cáo là lao động chính; có nhân thân tốt, có người thân có công với các mạng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Hải T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của Lê Hải T. Sửa án sơ thẩm về áp dụng điều luật, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với Lê Hải T; giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 06/2019/HS-ST ngày 04/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện U về hình phạt đối với Lê Hải T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Hải T khai nhận trong khoảng thời gian tháng 01 và tháng 02 năm 2018, theo sự chỉ bảo của Nguyễn Giang L bị cáo có cùng Nguyễn Hoàng N, Lê Văn M dùng vỏ máy công suất lớn (vỏ composite ngang 9,1m, máy Toyota) mang theo hung khí là gậy, dao tự chế ra vùng biển thuộc địa bàn huyện U từ Tiểu Dừa đến Giáo Bảy để đe dọa, ngăn cấm không cho ngư dân cào sò huyết giống. Nếu ai muốn cáo sò thì phải nộp tiền cho Nguyễn Giang L. Không nộp tiền thì bị đuổi đánh, đâm và đập phá phương tiện. Cụ thể các bị cáo đã đe dọa, đuổi đánh nhiều nhóm người đến cào sò, từ đó có nhiều người chấp nhận giao nộp tiền cho Nguyễn Giang L như án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của Lê Hải T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, cho thấy có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Giang L là người cầm đầu, tổ chức cho đồng bọn gồm N, M, T thực hiện việc dùng vũ lực đe dọa tấn công ngư dân buộc họ nộp tiền cho nhóm của L để được cào sò ở địa bàn vùng biển huyện U từ Tiểu Dừa đến Giáo Bảy. Thực tế có nhiều nhóm người đã miễn cưỡng giao nộp tiền cho L tổng số 32.000.000 đồng để được cào sò.

[2] Hành vi của Nguyễn Giang L, Nguyễn Hoàng N, Lê Văn M, Lê Hải T là trái pháp luật, các bị cáo tự ý tổ chức nhóm người độc chiếm vùng biển, đặt ra quy định buộc các ngư dân phải nộp nộp tiền mới được khai thác sò giống, nếu không nộp tiền thì bị dùng hung khí đuổi đánh, đập phá phương tiện, làm cho nhiều người sợ miễn cưỡng nộp tiền cho các bị cáo. Hành vi của Lê Hải T cùng đồng phạm là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản người khác trái pháp luật, vi phạm pháp luật hình sự, gây ảnh hưởng nghiêm trọng trật tự trị an ở địa phương. Án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện U xử phạt bị cáo Lê Hải T cùng các đồng phạm về tội *"Cưỡng đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Hải T thấy rằng: Trong vụ án Nguyễn Giang L là người chủ mưu, cầm đầu, Nguyễn Hoàng N, Lê Hải T là người tham gia thực hiện tội phạm. Trong đó, vai trò, mức độ tham gia của bị cáo T là thứ yếu. Án sơ thẩm có xem xét đến các tình tiết như: Bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện tác động người thân bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả, nên có áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự khi lượng hình áp dụng hình phạt đối với bị cáo. Từ đó án sơ thẩm phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù nhẹ hơn các bị cáo khác là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có cung cấp thêm các tình tiết mới như: Một mình nuôi con nhỏ sinh ngày 09/01/2011; gia đình thuộc hộ nghèo; bị cáo là lao động chính; có nhân thân tốt, có người thân có công với các mạng là thực tế, thuộc tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các tình tiết này án sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo, do đó, cần chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hải T; sửa bản án sơ thẩm số: 18/2019/HS-ST ngày 19/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố C về hình phạt.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Hải T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*"; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Lê Hải T không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Công an huyện U;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện U;
- Tòa án nhân dân huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Trần Trọng Nhân

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 56/2019/TB-TA	*Cà Mau, ngày 01 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN

Căn cứ các điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ hồ sơ thụ lý số 74/2019/TLPT-HS ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;

Xét thấy Bản án hình sự phúc thẩm số: 73/2019/HS-PT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau có nhầm lẫn cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

1. Về nội dung dòng thứ 18 từ dưới lên trang số 5 của bản án hình sự phúc thẩm nêu trên đã ghi "…Từ đó án sơ thẩm phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù nhẹ hơn các bị cáo khác là phù hợp …"

Nay được sửa chữa cho đúng là "…Từ đó án sơ thẩm phạt bị cáo 01 năm 09 tháng tù nhẹ hơn các bị cáo khác là phù hợp …"

2. Về nội dung dòng thứ 3 từ dưới lên trang số 5 của bản án hình sự phúc thẩm nêu trên đã ghi "Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hải T; sửa bản án sơ thẩm số: 18/2019/HS-ST ngày 19/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố C về hình phạt".

Nay được sửa chữa cho đúng là "Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Hải T; sửa bản án sơ thẩm số: 06/2019/HS-ST ngày 04/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện U về hình phạt"

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Công an huyện U;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện U;
- Tòa án nhân dân huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Trọng Nhân